

Bản án số: 1720 /2017/HNGD-ST
Ngày: 27/12/2017
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Chu Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Bích L

2/ Ông Dương Minh Kiên

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Hoàng Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 1128/2017/TLST-HN ngày 18 tháng 8 năm 2017 về: “Tranh chấp Ly hôn” Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2017/QĐ-HPT ngày 11/12/2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1982, địa chỉ: Số B Nguyễn K, Phường p, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Lê Ngọc H, sinh năm 1970, địa chỉ: Số B Nguyễn K, Phường p, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/8/2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Trần Thị L trình bày:

Bà L và ông Lê Ngọc H tự nguyện kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường p, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng bà chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã, không hòa thuận. Tình cảm vợ chồng giữa bà và ông H đã có quá nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, bà và ông H đã ly thân từ năm 2016 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Lê Ngọc H.

Quá trình chung sống bà Trần Thị L và ông Lê Ngọc H có 02 con chung tên Lê Trần Thanh B, sinh ngày 15/11/2002 giao cho ông H nuôi dưỡng và con chung tên Lê Trần Thanh Tr, sinh ngày 09/01/2008 giao cho bà L nuôi dưỡng. không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Về tài sản chung: Bà và ông H tự giải quyết, không yêu cầu tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

Bị đơn ông Lê Ngọc H đã được tòa án niêm yết triệu tập họp lệ đến Tòa để ghi lời khai vào ngày 02/10/2017, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 02/10/2017 và ngày 07/11/2017 nhưng ông H vẫn không có mặt tại Tòa, do đó Tòa án không ghi lời khai và không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ ông Lê Ngọc H đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng ông H vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau:

* Về tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án về thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, và mối quan hệ của những người tham gia tố tụng cũng như thời hạn gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ Viện kiểm sát nghiên cứu.

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, bị đơn chưa thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

* Về nội dung:

- Về yêu cầu của bà Trần Thị L được ly hôn với ông Lê Ngọc H là có căn cứ để chấp nhận.

- Về con chung: Bà L yêu cầu giao con chung tên Lê Trần Thanh B, sinh ngày 15/11/2002 cho ông Lê Ngọc H nuôi dưỡng, ý kiến của trẻ Lê Trần Thanh B có nguyện vọng được sống với bố, giao con chung tên Lê Trần Thanh Tr, sinh ngày 09/01/2008 cho bà Trần Thị L nuôi dưỡng, nguyện vọng của trẻ Lê Trần Thanh Tr được sống với mẹ, do đó yêu cầu của bà L là có cơ sở chấp nhận, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị L đối với ông Lê Ngọc H là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình. Căn cứ phiếu yêu cầu xác minh ngày 09/10/2017 của Tòa án nhân dân quận G, kết quả xác minh của công an Phường p, quận G cho biết ông Lê Ngọc H đang cư trú tại số 117/880B Nguyễn K, Phường p, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay bà L vắng mặt, nhưng bà L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt bà là phù hợp với quy định tại khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[2] Tòa án đã triệu tập đến lần thứ hai nhưng ông Lê Ngọc H vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với thủ tục được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số: 117, quyển số: 01/2002 ngày 10/7/2002 do Ủy ban nhân dân Phường p, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp, thể hiện hôn nhân giữa bà Trần Thị L và ông Lê Ngọc H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của bà L xét thấy trong thời gian chung sống, vợ chồng không hạnh phúc, mâu thuẫn phát sinh do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, bà L đã cố gắng để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn kéo dài, bà L và ông H đã ly thân từ năm 2016 tới nay. Nay bà L muốn ly hôn để ổn định cuộc sống. Qua kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân phường p quận G, Hội liên hiệp phụ nữ Phường p, quận G xác nhận mâu thuẫn vợ chồng bà Trần Thị L và ông Lê Ngọc H sống chung không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, hiện nay bà L và ông H đã ly thân, bà L đã dọn đi nơi khác ở. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà Trần Thị L là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Vì thực tế cả hai không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được thì không nhất thiết phải kéo dài cuộc sống vợ chồng nữa, hiện cả hai đã sống ly thân; Tòa án cũng đã triệu tập ông Lê Ngọc H đến Tòa để tham dự phiên Tòa, nhưng ông H vẫn không có mặt, thể hiện ông H không quan tâm đến kết quả xin ly hôn của bà Trần Thị L tại Tòa. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị L đối với ông Lê Ngọc H.

[5] Về con chung: Bà Trần Thị L, ông Lê Ngọc H có 02 con chung tên Lê Trần Thanh B, sinh ngày 15/11/2002 bà L yêu cầu giao cho ông H nuôi dưỡng và

con chung tên Lê Trần Thanh Tr, sinh ngày 09/01/2008 giao cho bà L nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Theo xác minh của hội liên hiệp phụ nữ Phường p, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, cũng như lời khai của bà L và 02 người con của bà L ông H, hiện tại con chung của ông bà là Lê Trần Thanh B đang ở chung với ông H và nguyện vọng của cháu là ở với ông H, nguyện vọng của trẻ Lê Trần Thanh Tr là muốn ở với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của bà L về nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2017 .

[6] Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này, nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Bà L pH chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, Điều 232, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);

- Luật án phí lệ phí 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Lê Ngọc H (Giấy chứng nhận kết hôn số: 117, quyển số: 01/2002 ngày 10/7/2002 do Ủy ban nhân dân Phường p, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị).

Về con chung: Giao con chung Lê Trần Thanh B, sinh ngày 15/11/2002 cho ông Lê Ngọc H nuôi dưỡng, giao con chung tên Lê Trần Thanh Tr, sinh ngày 09/01/2008 cho bà Trần Thị L nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà L pH chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã đóng tạm nộp án phí theo Biên lai số AA/2017/0027314 ngày 18/8/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người pH thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung 2014).

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận G;
- Chi Cục THADS Q.Gò Vấp;
- UBND P.3, Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP; Hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Chu Thị Bình